TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 157/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 20/7/2026
"V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Bùi Văn Bảnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tấn Để

Ông Thái Minh Đủ

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - An Giang tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hoàng Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 239/2026/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2026 về việc "ly hôn, tranh chấp nuôi con chung".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 209/2026/QĐXXST- HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Huỳnh Văn G**, sinh năm 1983

Địa chỉ: ấp T, xã T, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn:* Chị **Lê Thị R**, sinh năm 1990

Địa chỉ: ấp T, xã T, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Huỳnh Văn G trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị R chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục và đăng ký kết hôn năm 2011 theo quy định pháp luật tại UBND xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang (nay là UBND xã T, tỉnh An Giang). Vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2019 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng không hòa hợp nhau về suy nghĩ, tính cách, công việc, chị R hay ghen và cãi nhau. Hai bên có hàn gắng

nhiều lần nhưng không có kết quả, mâu thuẫn càng trầm trọng hơn và sống ly thân khoảng 5 năm nay, không còn quan tâm và liên lạc gì đến nhau. Hiện tại tình cảm vợ chồng không còn nên anh xin ly hôn để mỗi người có cuộc sống riêng.

Về con chung: Anh chị có 03 người con chung là Huỳnh Tấn K, sinh ngày 04/9/2007 (đã thành niên, tự lao động sinh sống được); Huỳnh Tấn K1, sinh ngày 28/4/2009 và Huỳnh Thị Út G1, sinh ngày 07/01/2013, đang sống với chị R và có nguyện vọng sống với chị R, con đang được chăm sóc, nuôi dưỡng tốt. Khi ly hôn anh đồng ý để chị R tiếp tục nuôi dưỡng con, anh sẽ tự nguyện cấp dưỡng theo khả năng của mình, không yêu cầu xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Anh xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Anh xác định không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

* Bị đơn chị Lê Thị R vắng mặt, không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - An Giang có ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn anh G đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, riêng bị đơn chị R vắng mặt tại phiên họp và phiên tòa lần thứ 2 mà không có lý do là chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn cho anh G được ly hôn với chị R; giao con chung cho chị R trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng, tài sản chung, nợ chung không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng chị R vắng mặt, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng chị R vắng mặt lần thứ hai không có lý do là chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị R.

[2] Về quan hệ hôn nhân, anh G và chị R chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang (nay là UBND xã T, tỉnh An Giang) nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Nguyên nhân dẫn đến ly hôn, anh G cho rằng trong quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hòa hợp nhau về suy nghĩ, tính cách, công việc, chị R hay ghen và cãi nhau. Anh chị hàn gắng nhiều lần nhưng không có kết quả, mâu thuẫn trầm trọng hơn, vợ chồng đã ly thân nhau từ năm 2019 cho đến nay. Còn chị R vắng mặt, không có ý kiến, không tham gia các phiên họp và phiên tòa sơ thẩm.

Hội đồng xét xử xét thấy, quá trình chung sống với nhau anh G và chị R phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể khắc phục được; quan hệ hôn nhân giữa anh chị không đảm bảo theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình về tình nghĩa vợ chồng, Hội đồng xét xử có căn cứ để cho rằng hôn nhân giữa anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Hơn nữa, anh chị đã sống ly thân một thời gian, nhưng không khắc phục được mâu thuẫn để vợ chồng tiếp tục chung sống nên không có khả năng đoàn tụ. Do đó, trong thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận ý kiến đề xuất của Kiểm sát viên và yêu cầu xin ly hôn của anh G đối với chị R.

[4] Về con chung: Anh chị có 03 người con chung là Huỳnh Tấn K, sinh ngày 04/9/2007 (đã thành niên, tự lao động sinh sống được); Huỳnh Tấn K1, sinh ngày 28/4/2009 và Huỳnh Thị Út G1, sinh ngày 07/01/2013, đang sống với chị R và có nguyện vọng sống với chị R. Khi ly hôn, anh đồng ý để chị R tiếp tục nuôi dưỡng con. Xét thấy, chị R đủ điều kiện để nuôi con, đồng thời cũng phù hợp với nguyện vọng và lợi ích của con nên Hội đồng xét xử chấp nhận để chị R được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con. Anh G có quyền, nghĩa vụ tới lui thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật, không ai được quyền cản trở. Trường hợp chị R vi phạm nghĩa vụ nuôi con hoặc không còn đủ điều kiện nuôi con thì anh G có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về cấp dưỡng, không ai yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[5] Về nợ chung: Anh G xác định anh chị không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Anh G xác định không có tranh chấp, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí, nguyên đơn anh G phải chịu án phí ly hôn theo quy định là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 9, Điều 19, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: anh Huỳnh Văn G được ly hôn với chị Lê Thị R.

2. Về con chung: Tiếp tục giao cháu Huỳnh Tấn K1, sinh ngày 28/4/2009 và Huỳnh Thị Út G1, sinh ngày 07/01/2013 cho chị R trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh G có quyền, nghĩa vụ tới lui thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật, không ai được quyền cản trở. Trường hợp chị R vi phạm nghĩa vụ nuôi con hoặc không còn đủ điều kiện nuôi con thì anh G có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về cấp dưỡng, không ai yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

3. Về nợ chung: Anh G xác định anh chị không có nợ chung nên không yêu cầu xem xét, giải quyết.

4. Về tài sản chung: Anh G xác định không có tranh chấp, không yêu cầu xem xét, giải quyết.

5. Về án phí sơ thẩm: Anh G phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo lai thu số 305832 ngày 23/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 7;
- Phòng THADS khu vực 7;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Văn Bảnh